

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Hùng T - sinh năm 1987; địa chỉ: 1498/5/9 đường X, phường Y, thành phố V, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 1988; địa chỉ: 36/52B N, phường X, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14 - 02 - 2020 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – anh Võ Hùng T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Võ Hùng T và chị Nguyễn Thị Ngọc T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố Vũng Tàu vào ngày 13 tháng 7 năm 2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ khác nhau trong cách xử lý mọi việc trong cuộc sống, chị T không chăm lo cuộc sống gia đình mà chỉ lo tụ tập bạn bè ăn chơi. Gia đình hai bên có khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ và vợ chồng anh T cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không tìm

được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2016, hai vợ chồng đã quyết định sống ly thân mỗi người mỗi nơi.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Võ Hùng T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Võ Hoàng Gia H, sinh ngày 15 - 9 - 2011. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa để làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Anh Võ Hùng T khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc “ly hôn”; bị đơn – chị T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của chị T tại phiên tòa thì thấy: bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên chị T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1]** Về hôn nhân: Anh Võ Hùng T và chị Nguyễn Thị. Ngọc Trinh kết hôn từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố Vũng Tàu vào ngày 13 tháng 7 năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 123 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh T chị T phát sinh mâu thuẫn là

có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của anh T: Vợ chồng sống với nhau đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị T không chăm lo vun vén cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Lời trình bày của anh T phù hợp với kết quả xác minh trình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày 10 - 7 - 2020 của Tòa án, theo đại diện tổ dân phố nơi trước đây vợ chồng anh T chung sống thì trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh T chị T có xảy ra mâu thuẫn, lục đục; vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị T và anh T giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả vì chị T không tới Tòa làm việc. Qua đó, có thể khẳng định chị T bỏ mặc hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn quý trọng nhau, không chăm sóc lẫn nhau, mạch ai nấy sống. Nhận thấy, khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị T và anh T là không thể thực hiện được và mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Hùng T đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

**[2.2]** Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Võ Hoàng Gia H, sinh ngày 15 - 9 - 2011. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu của anh T thì thấy: Hiện nay cháu H đang sống với anh T và có nguyện vọng sống cùng bố. Anh T hiện là kỹ sư điện, thu nhập 12.000.000đ (mười hai triệu đồng)/tháng, nên xét thấy anh T có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con cái. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không tới làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**[2.3]** Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hùng T;

[1] *Về hôn nhân*: Cho anh Võ Hùng T ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Võ Hoàng Gia H, sinh ngày 15 - 9 - 2011. Giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Võ Hùng T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000211 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, anh T đã nộp xong.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND phường 12, TP Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hồng Lợi**

